TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG H** **TỈNH PHÚ Y**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG H, TỈNH PHÚ Y

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Tuyết Tr

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị Ph

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y:*** Bà Nguyễn Ngọc Bảo Th - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28/9/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông H, tỉnh Phú Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng chính sách xã hội Việt N; Địa chỉ: Tòa nhà CC5 khu bán đảo Linh Đ, quận Hoàng M, Hà N. Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hiệp Quốc V – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Đông H, có mặt.

- ***Bị đơn:*** bà Đặng Thị D, sinh năm 1985, ông Phan Văn B, sinh năm 1983; Địa chỉ: khu phố Thọ L, phường Hòa Hiệp N, thị xã Đông H, tỉnh Phú Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2023, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Hiệp Quốc V - người đại diện được ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt N trình bày:

Theo Sổ vay vốn số 7055413535, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay và Giấy ủy quyền cùng ngày 05/3/2020, bà Đặng Thị D đại diện theo ủy quyền của chồng là Phan Văn B trong hộ gia đình vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, phòng giao dịch thị xã Đông H số tiền 39.000.000đ theo chương trình HMTN *(hộ mới thoát nghèo)* để chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 8,25%/năm, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2023.

Tuy nhiên sau khi vay tiền, hộ bà D, ông B chỉ trả được 1 lần nợ gốc 1.000.000đ vào ngày 11/7/2020, đến nay không trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D, ông B trả toàn bộ số nợ gốc 38.000.000đ, nợ lãi đến ngày 29/3/2023 và khoản tiền lãi phát sinh đến ngày trả dứt điểm dư nợ.

Bị đơn bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu bà D, ông B phải trả tổng cộng 42.151.901đ *(bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ một đồng)*, trong đó nợ gốc 38.000.000đ *(ba mươi tám triệu đồng)*, nợ lãi đến ngày 28/9/2023 là 4.151.901đ *(bốn triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ một đồng)* và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 đến khi trả dứt điểm dư nợ.

- Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định, đảm bảo cho đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng thủ tục tố tụng; Người đại diện của nguyên đơn chấp hành đúng quyền và

nghĩa vụ của mình, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B phải trả số tiền tổng cộng 42.151.901đ *(bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ một đồng)*, trong đó nợ gốc 38.000.000đ *(ba mươi tám triệu đồng)*, nợ lãi 4.151.901đ *(bốn triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ một đồng)* và tiền lãi phát sinh từ ngày 29/9/2023 đến khi trả dứt điểm dư nợ.

+ Về án phí DSST: bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào ý kiến của đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về hợp đồng vay tài sản giữa pháp nhân với cá nhân không có mục đích kinh doanh là tranh chấp về hợp đồng dân sự, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B có nơi cư trú tại khu phố Thọ L, phường Hòa Hiệp N, thị xã Đông H nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân thị xã Đông H thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Việc giải quyết theo thủ tục vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về việc thực hiện Hợp đồng:

[3.1] Hiệu lực của hợp đồng tín dụng: Sổ vay vốn số 7055413535, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/3/2020, Sổ lưu tờ rơi theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt N

phòng giao dịch thị xã Đông H và bà Đặng Thị D có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực thi hành.

[3.2] Theo nội dung của Sổ vay vốn số 7055413535, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/3/2020 thì bà Đặng Thị D có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, Phòng giao dịch thị xã Đông H số tiền 39.000.000đ theo chương trình HMTN *(hộ mới thoát nghèo)* để chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất 8,25%/năm, lãi suất quá hạn 130% lãi suất cho vay, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng ngày 11/3/2023. Tuy nhiên bị đơn không trả nợ như đã cam kết, do đó, cần buộc bà D, ông B phải trả toàn bộ nợ gốc, lãi như yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[3.4] Kể từ ngày 29/9/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của Sổ vay vốn số 7055413535, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/3/2020 giữa Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, Phòng giao dịch thị xã Đông H và bà Đặng Thị D.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tương đương 5% số tiền còn phải trả cho nguyên đơn (42.151.901đ x 5%) là 2.108.000đ *(hai triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; các Điều 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt N, buộc bị đơn Đặng Thị D, Phan Văn B phải trả số tiền 42.151.901đ *(bốn mươi hai triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ một đồng)*, trong đó nợ gốc 38.000.000đ *(ba mươi tám triệu đồng)*, nợ lãi 4.151.901đ *(bốn triệu một trăm năm mươi mốt nghìn chín trăm lẻ một đồng)* – về khoản Hợp đồng vay tài sản.

2. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 29/9/2023) cho đến khi trả xong nợ gốc, bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B còn phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận của của Sổ vay vốn số 7055413535, Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 05/3/2020 đã ký kết giữa các bên.

3. Về án phí DS-ST: bà Đặng Thị D, ông Phan Văn B phải nộp 2.108.000đ *(hai triệu một trăm lẻ tám nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Ngọc Đ **Nguyễn Thị Ph** **Võ Thị Tuyết Tr**

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Phú Y;
- VKSND TX Đông H
- THADS TX. Đông H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Tuyết Trinh